

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 26; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ, khoản 1, Điều 12; Khoản 7, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 74/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện. Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn T, xã Tiến Thắng, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1971.

Chị Triệu Thị C, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã Tân Hiệp, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Lăng Thị L, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn T, xã Tiến Thắng, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nghĩa vụ trả nợ: Anh Nguyễn Văn V có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn M và bà Lăng Thị L số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Thời hạn trả nợ như sau:

+ Lần 1: Ngày 30-01-2019 anh V trả ông M, bà L 10.000.000 đồng (Mười triệu

đồng).

+ Lần 2: Ngày 30-4-2019 anh V trả ông M, bà L 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

+ Lần 3: Ngày 30-7-2019 anh V trả ông M, bà L 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Ông V, bà L không yêu cầu anh V phải trả lãi suất chậm trả tại giai đoạn thi hành án.

- Về án phí: Bà L thuộc đối tượng người dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí. Ông Nguyễn Văn M phải chịu 187.500 đồng (Một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 1.050.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2014/0004295 ngày 15-8-2018. Hoàn trả ông M 862.500 đồng (Tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền án phí đã nộp tại biên lai số AA/2014/0004295 ngày 15-8-2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Anh Nguyễn Văn V phải chịu 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Công thông tin điện tử Tòa án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Trang